

+ Tổ chức cuộc họp triển khai phân công nhiệm vụ năm 2018 cho từng thành viên, đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2018, và thống nhất kế hoạch triển khai công tác kiểm soát năm 2018;

+ Tổ chức cuộc họp đánh giá thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, các nội dung khác có liên quan;

+ Thẩm định Báo cáo tài chính quý 1, 6 tháng và năm 2018. Số thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp là 3/3 người.

Sau mỗi cuộc kiểm soát đều có Biên bản làm việc ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và đề xuất các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

2. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban Tổng giám đốc:

Năm 2018, Ban kiểm soát được HĐQT và Ban Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động tài chính của Công ty.

Ban kiểm soát được tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Định kỳ, Ban kiểm soát đều có báo cáo, kiến nghị gửi tới HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Những kiến nghị đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

- Trong năm 2018, HĐQT đã ban hành 23 nghị quyết và 18 quyết định thông qua hình thức họp hoặc lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT Công ty đã chỉ đạo, định hướng hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, lên kế hoạch cho năm 2019 và các nội dung thuộc thẩm quyền.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT theo chức năng và thẩm quyền.

- Trước tình trạng giám sát tài chính đặc biệt của Tập đoàn, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc kiểm điểm, nhận diện các hạn chế, tồn tại của nội bộ Công ty để đưa ra những biện pháp cụ thể nhằm khắc phục tình trạng tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

2.1. Đánh giá chung:

Báo cáo tài chính năm 2018 được lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan. Tuy nhiên, trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã từ chối đưa ra ý kiến với các lý do:

- Tại thời điểm 01/01/2018 và 31/12/2018, các khoản công nợ Phải thu chưa có đối chiếu, xác nhận lần lượt là 119,7 tỷ đồng và 67,9 tỷ đồng (trong đó khoản Phải thu đã quá hạn thanh toán chưa có đối chiếu, xác nhận lần lượt là 72,2 tỷ đồng và 47,9 tỷ đồng), các khoản công nợ Phải thu quá hạn thanh toán đã có đối chiếu lần lượt là 185,7 tỷ đồng và 131,4 tỷ đồng, các khoản công nợ Phải trả chưa có đối chiếu xác nhận lần lượt là 67,8 tỷ đồng và 57,3 tỷ đồng. Công ty chưa đánh giá đầy đủ về khả năng thu hồi của khoản công nợ đã quá hạn thanh toán. Với các tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng để đưa ra kết luận về tính hiện hữu, tính chính xác của các khoản công nợ cũng như không thể xác định được dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập theo quy định;

- Tại thời điểm 01/01/2018 và 31/12/2018, trên khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty còn nhiều công trình tồn đọng từ nhiều năm, đồng thời Công ty chưa ghi nhận đầy đủ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong năm. Với những tài liệu do Công ty cung cấp, chúng tôi không thể xác định được dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại thời điểm đầu năm và cuối năm, cũng như không xác định được tính chính xác của Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 01/01/2018 và 31/12/2018 với số tiền tương ứng là 453,6 tỷ đồng và 480,2 tỷ đồng và Giá vốn dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế công trình điện trong năm của Công ty. Do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Nếu báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu nêu trên thì kết quả kinh doanh của Công ty sẽ bị lỗ tương ứng và có nguy cơ mất vốn.

2.2. Phân tích BCTC tại thời điểm 31/12/2018

2.2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh

a. Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác năm 2018 đạt 657,97 tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ năm 2017 là 7% với số tiền 54,4 tỷ đồng, trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 đạt 655,99 tỷ đồng, giảm 55,81 tỷ đồng tương đương 7,84% so với cùng kỳ năm 2017

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2018 là 1,78 tỷ đồng, giảm 1,68 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, là các khoản lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ đồng giá phát sinh trong năm

- Thu nhập khác năm 2018 không đáng kể 0,2 tỷ đồng, chủ yếu là khoản thu nhập thanh lý TSCĐ

b. Giá vốn: năm 2018 là: 472,65 tỷ đồng, giảm: 7,84 % so với cùng kỳ năm 2018, với số tiền là: 40,23 tỷ đồng.

c. Chi phí: giảm 29,55 %, với số tiền 29,69 tỷ đồng, trong đó:

- Chi phí tài chính (lãi vay): 85,36 tỷ đồng. Giảm so với cùng kỳ năm 2018 là 10%, tương đương 9,51 tỷ đồng, vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí, chiếm đến 13,4% tổng chi phí.

- Chi phí QLDN: giảm 27,11% so với cùng kỳ năm 2017 với số tiền 25,17 tỷ đồng.

- Chi phí bán hàng và chi phí khác tăng 73% so với cùng kỳ năm 2017 với số tiền 4,995 tỷ đồng

d. Lợi nhuận năm 2018

Tuy doanh thu năm 2018 ở mức cao (655,99 tỷ đồng) nhưng tổng lợi nhuận sau thuế lại ở mức thấp, chỉ đạt 2,494 tỷ đồng, giảm 0,561 tỷ đồng, tương đương 18,36% so với năm 2017 do trong năm Công ty thực hiện tương đối đầy đủ các nghĩa vụ tài chính phát sinh trong năm và xử lý một phần nghĩa vụ tồn tại từ các năm trước (lương, thuế, trả các khoản nợ, vay...)

2.2.2. Về công tác thực hiện một số chỉ tiêu tài chính tính đến 31/12/2018

- Nợ phải thu:

Số dư các khoản Phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2018 là 320,64 tỷ đồng, giảm 35,43 tỷ đồng so với năm 2018 nhưng vẫn chiếm khoảng 18,83% tổng tài sản, và chiếm 49% tổng doanh thu.

Công ty đã trích nợ phải thu khó đòi 44,99 tỷ đồng. Theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp, thì tổng số tiền phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên là chưa phù hợp.

Các khoản phải thu khác 45,12 tỷ đồng, giảm 0,95 tỷ đồng, tương đương 2,06% so với cùng kỳ năm trước.

- Hàng tồn kho 493,41 tỷ đồng, giảm 8,33%, tương đương 39,808 tỷ đồng so với năm 2017, chiếm 28,97% tổng tài sản, 75,22% tổng doanh thu, chủ yếu ở: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình chưa nghiệm thu 480,225 tỷ đồng, chiếm 97,3% tổng số hàng tồn kho.

- Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2018 là 1.409,5 tỷ đồng, chiếm 82,77% tổng tài sản, chiếm 214,87 % tổng doanh thu năm 2018.

2.2.3. Đầu tư vào Công ty con:

Nguồn vốn đầu tư của CSH tại 4 công ty TNHH MTV là 34,55 tỷ đồng, bằng 12,94% vốn điều lệ của TV1. Tình hình đầu tư tại 4 công ty con có kết quả không tốt, lãi rất ít, về tổng lợi nhuận thu về từ đầu tư tại 4 công ty con là 0,376 tỷ đồng, tương đương 1,09% vốn đầu tư.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của các công ty đều thấp, chỉ từ -14,1% đến 16,6%. Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH của 4 Công ty đều cao, thấp nhất là 1,74 lần, các Công ty còn lại đều ở mức trên 3, dấu hiệu mất an toàn tài chính, lần lượt là: 3,8 lần; 5,89 lần; 7,27 lần.

Doanh thu chỉ có 92,57 tỷ đồng, trong khi đó nợ phải thu 127,41 tỷ đồng, chiếm 137,64% doanh thu, Nợ phải trả 147,41 tỷ đồng chiếm 137,64% doanh thu.

Tình hình kinh doanh vào 4 công ty con hiệu quả không cao, có nhiều dấu hiệu rủi ro, không đảm bảo phát triển vốn đầu tư, mất an toàn tài chính.

2.2.4. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	48
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	52
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	83
	- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	17
	- Nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	4,80
3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán tức thời (Tiền & TĐ tiền/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,04
	- Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,46
	- HS khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tổng Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,05
4	Hiệu quả		
	- Tỷ suất LN sau thuế /Tổng tài sản -ROA	%	0,15
	- Tỷ suất LN sau thuế /Doanh thu -ROS	%	0,38
	- Tỷ suất LN sau thuế /Vốn CSH -ROE	%	0,85

Cơ cấu nguồn vốn

- Tại ngày 31/12/2018, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 4,8 lần, vượt quá mức so với quy định, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khi phải thanh toán các khoản phải trả đến hạn, đặc biệt là lãi tiền vay. Hệ số này cao nguyên nhân chủ yếu là do:

+ Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải trả (vay ngân hàng, vay CBCNV, vay cá nhân) đều thường xuyên duy trì ở mức cao, thời gian kéo dài qua các năm.

+ Các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi chưa được trích lập đầy đủ theo quy định.

- Nguồn vốn CSH/Tổng Nguồn vốn chỉ đạt 17%, trong khi đó nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn 83%, Điều này cho thấy Công ty hoạt động chủ yếu bằng nguồn vốn vay.

b. Hệ số khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán tức thời thấp, rất hạn chế, chỉ đạt 0,04 lần, do tiền và tương đương tiền năm 2018 là 33,64 tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ 2017 là

5,37 tỷ đồng. Trong khi đó nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2018 là 837,36 tỷ đồng, điều này dẫn đến khả năng thanh toán tức thời rất thấp, Công ty rất khó khăn trong việc cân đối dòng tiền trả nợ.

- Khả năng thanh toán nhanh đạt 0,46 lần.
- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn đạt 1,05 lần.

c. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh

- Tài sản của Công ty được hình thành từ vốn vay và vốn chủ sở hữu. Cả hai nguồn vốn này được sử dụng để phục vụ cho các hoạt động SXKD của Công ty. Hiệu quả của việc chuyển vốn đầu tư thành lợi nhuận được thể hiện qua các chỉ tiêu về ROA, ROS và ROE, các chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả của Công ty trong việc quản lý, sử dụng tài sản và vốn của cổ đông để tạo ra lợi nhuận.

- Các chỉ tiêu về ROA, ROS và ROE:
 - + Tỷ suất LN sau thuế / Tổng tài sản- ROA là 0,15 %;
 - + Tỷ suất LN sau thuế / Doanh thu –ROS là 0,38 %;
 - + Tỷ suất LN sau thuế / Vốn CSH -ROE chỉ đạt 0,85%.

2.2.5. Quản lý dòng tiền

Kết quả kinh doanh của Công ty lãi, lưu chuyển tiền thuần trong kỳ là - 5,43 tỷ đồng

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh tốt, đạt 123,26 tỷ đồng
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính năm 2018 âm 77,8 tỷ đồng do tiếp tục để chi trả các khoản trả nợ gốc vay.
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư năm 2018: âm 50,89 tỷ đồng do tiếp tục chi tiền để mua sắm, xây dựng TSCĐ.
- Dòng tiền âm cho thấy Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn trong công tác tài chính, việc thu xếp vốn và cân đối dòng tiền. Trong thời gian tới, Công ty có thể gặp rất nhiều khó khăn, mất khả năng thanh toán các khoản nợ, lãi vay... đặc biệt là các khoản nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả.

2.2.6. Cơ cấu tổ chức:

- Công ty đã từng bước tổ chức, sắp xếp lại bộ máy, giảm 06 đầu mối cấp phòng;
- Tổ chức quản lý tập trung đội xe ô tô của Công ty về một đầu mối;
- Thành lập Trung tâm Tư vấn thủy điện (giai đoạn 1) trên cơ sở hợp nhất Đoàn thiết kế thủy điện 1 và Đoàn thiết kế thủy điện 2 (từ 01/01/2019);
- Công ty đã rà soát và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các đơn vị khối quản lý (tháng 11/2017);
- Lập đề án tái cơ cấu tổ chức, hoàn thành tài liệu “Định biên nhân sự giai đoạn 2019-2020”; đang xây dựng lộ trình thực hiện cho các đơn vị trực thuộc Công ty.

Năm 2018: Tổng số lao động tính tới 31/12/2018 là 919 người, giảm 55 người, đạt 5,65% so với chỉ tiêu giảm 5% theo yêu cầu của Tập đoàn (Nghị quyết 392/NQ-HĐTV ngày 25/09/2019).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Năm 2018, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực làm việc, có trách nhiệm trong việc kiểm soát, duy trì sự ổn định, từng bước khắc phục những tồn tại và hoàn thành các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 biểu quyết thông qua. Tuy nhiên, để công ty hoạt động hiệu quả hơn trong năm tới, BKS kiến nghị một số ý kiến như sau:

1. Công tác quản trị

- Có biện pháp quyết liệt hơn trong công tác khắc phục những tồn tại tài chính: thu hồi công nợ, quyết toán các công trình SXKD dở dang, xây dựng kế hoạch phát triển mở rộng thị trường.

- PECC1 đã ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung và Quy chế nội bộ về quản trị công ty tháng 6/2018. Tuy nhiên, hiện nay Công ty chưa ban hành quy chế tài chính mới theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty. Đề nghị Công ty khẩn trương rà soát và ban hành Quy chế tài chính mới theo quy định để đảm bảo hoạt động tài chính công ty tuân thủ theo Điều lệ mới và các quy định tài chính hiện hành.

- Có biện pháp, lộ trình đưa Công ty niêm yết trở lại trên HOSE hoặc HNX

2. Công tác quản lý tài chính

- Công tác kiểm soát thu chi: Kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác phê duyệt, quyết toán, thanh toán chi phí đảm bảo hợp lý; hạn chế chi bằng tiền mặt.

- Công tác kiểm soát công nợ, hàng tồn kho:

+ Hàng tồn kho: Tích cực quyết toán các công trình dở dang để giảm số dư hàng tồn kho; quyết liệt hơn trong công tác kiểm kê sản phẩm dở dang, phân loại và theo dõi công trình theo hợp đồng. Với các công trình đang tạm dừng, cần rà soát, đối chiếu và thực hiện quyết toán đối với các công trình không thực hiện tiếp, phân loại theo dõi và có báo cáo rõ lý do đối với các công trình đang tạm dừng nhưng vẫn có khả năng thực hiện tiếp. Với các công trình tồn đọng từ nhiều năm, tổ chức kiểm kê, rà soát để tìm nguyên nhân và phương án xử lý. Với các công trình đã nghiệm thu, quyết toán thanh lý, mà vẫn còn chi phí dở dang, tiếp tục rà soát tổng hợp và xử lý dứt điểm. Với các công trình dở dang đang thực hiện, bám sát tiến độ thi công, thường xuyên đối chiếu giữa các bộ phận và Phòng kế toán cần quản lý tốt các khoản chi phí dở dang để phản ánh đúng giá trị các công trình dở dang đang thực hiện. Đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh quyết toán đặc biệt là công trình đã hoàn thành chưa đưa vào quyết toán.

+ Nợ phải thu: Thường xuyên thực hiện nghiệm thu, đối chiếu công nợ phải thu với khách hàng để có cơ sở phân tích tuổi nợ, kịp thời trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành. Giao khoán chỉ tiêu thu hồi công nợ phải thu cho các đơn vị khoán đồng thời yêu định kỳ báo cáo (tình hình quản lý và thu hồi công nợ; kiểm kê phân loại tuổi nợ và đề xuất các phương án thu hồi đối với các khoản công nợ phải thu khó đòi...). Ngoài ra, Công ty có thể đề xuất EVN hỗ trợ thu hồi các khoản công nợ các đơn vị thuộc EVN và các đơn vị bán điện cho EVN.

- Quản lý chi phí: Quản lý tốt các khoản chi phí. Tích cực thanh toán các khoản nợ đọng lương của người lao động, hạn chế nợ lương thời gian quá lâu, số lượng tiền lớn, kiểm soát chặt chẽ trong công tác dự toán chi phí.
- Công tác hạch toán kế toán: Thường xuyên rà soát, kiểm tra và kết chuyển doanh thu, giá vốn đúng kỳ để kết quả sản xuất kinh doanh được phản ánh đúng kỳ.
- Hồ sơ vay cá nhân: Hoàn thiện hồ sơ vay lại lương của người lao động theo đúng luật định, đảm bảo các khoản chi phí này không bị loại ra khỏi thu nhập tính thuế, rà soát, tính toán lại lãi suất, thực hiện thu hồi lại phần lãi suất vượt mức đối với các khoản vay cá nhân rút trước thời hạn.
- Từng bước đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu về mức qui định hiện hành, lành mạnh hoá tình hình tài chính.
- Quản lý vốn đầu tư tại các Công ty con: Chỉ đạo các Công ty con rà soát khắc phục các vấn đề được nêu trong các biên bản kiểm toán năm 2018, báo cáo Công mẹ tình hình và đề xuất các giải pháp thực hiện.

3. Công nợ với EVN

Thu xếp, hoàn trả cổ tức còn nợ cho EVN trong năm 2018 theo yêu cầu của HĐQT EVN tại Nghị quyết 81.

4. Tình trạng giám sát đặc biệt:

Thực hiện Nghị quyết 81/NQ-HĐTV ngày 24/3/2017 và Công văn số 78/EVN - HĐTV ngày 4/4/2017, HĐQT EVN giao Người đại diện định kỳ hàng tháng báo cáo EVN phương án khắc phục tình hình tài chính của Công ty và giao BKS giám sát tình hình thực hiện của Người đại diện, hàng tháng Người đại diện đều có báo cáo EVN về phương án khắc phục tình hình tài chính, trong đó đã đưa ra các phương án và đề xuất phương án khắc phục tình trạng trên. Tuy nhiên, Công ty cần có những biện pháp và kế hoạch cụ thể hơn nữa nhằm giảm các chỉ tiêu về nợ phải thu, hàng tồn kho theo đúng yêu cầu của HĐQT EVN, nhanh chóng đưa Công ty ra khỏi tình trạng giám sát đặc biệt.

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Sau ĐHCĐ thường niên năm 2019, Ban kiểm soát sẽ lập Chương trình làm việc cụ thể theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát cũng như những quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty để:

- Thực hiện công tác thẩm định các Báo cáo thẩm định về các báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Giám sát hoạt động HĐQT, Ban Tổng giám đốc;
- Chủ động nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ kiểm tra và giám sát nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại Công ty mẹ và các công ty con

Ban kiểm soát kính trình Đại hội thông qua Báo cáo tình hình thực hiện công tác kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của Ban kiểm soát.

Tôi xin thay mặt Ban kiểm soát, xin cảm ơn toàn bộ quý cổ đông đã tin tưởng giao nhiệm vụ cho chúng tôi, xin cảm ơn HĐQT và Ban điều hành Công ty đã hỗ trợ cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình..

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Cao Thúy Nga